

Bản án số: **24/2018/HS-ST**
Ngày: 11-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Nương- Nghề nghiệp: Chủ nhiệm Ủy ban dân số và Kế hoạch hóa gia đình huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;

2. Bà Vũ Thị Đào - Nghề nghiệp: Nguyên hiệu trưởng trường THCS thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Khanh-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2018/ TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên : **DANH H**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: ấp H, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn); 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Kh, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1980; Bị cáo là con lớn trong gia đình có hai anh em ruột, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: không;

Danh H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/6/2018 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Gò Quao.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Danh H:* Ông Trần Tuấn Anh, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* ông Danh Kh, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang(có mặt)

- *Bị hại:*

Trương Văn V, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Người làm chứng:*

Danh Tr, sinh năm 1996(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 26/4/2016, anh Trương Văn V trú tại: xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là chủ chẹt Kobe đến ấp X, xã Th, huyện Gò Quao để gắp đất thuê, đã để xe gắn máy biển kiểm soát 68S2-0877 dưới mé lộ cặp kênh xáng làm phương tiện đi lại, xe đậu cách chẹt anh V ngủ 3 mét, chìa khoá gắn trên xe. Khi Danh Tr và Danh H trên đường đi nhậu về phát hiện chiếc xe không người trông giữ, Danh Tr nảy sinh ý định trộm cắp và bàn bạc với Danh H lấy trộm chiếc xe bán lấy tiền nhậu tiếp, cả hai thống nhất và Danh Tr dẫn phía trước xe còn Danh H đẩy phía sau, đi một đoạn, Danh Tr đạp máy xe chạy chở Danh H đi về hướng chợ Bến Nhứt, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Khi chạy qua dốc cầu Bến Nhứt thì cả hai bị té xe nên xuống xe dẫn bộ, lúc này Công an xã Long Thạnh đang trên đường tuần tra phát hiện mời về trụ sở làm việc và tạm giữ tang vật thông báo về Công an xã Th làm rõ hành vi trộm cắp tài sản của Danh Tr và Danh H.

Qua quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) thu giữ vật chứng là 01 (một) xe gắn máy biển kiểm soát 68S2-8077, số máy FMG 01053940, số khung CHL 00003000, giá trị còn lại theo kết luận định giá số 26/2016/KL-HĐĐG ngày 16/6/2016 của hội đồng định giá tài sản huyện Gò Quao là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau khi xem xét Cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSGQ-TA, ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đã truy tố truy tố bị cáo Danh H ra trước Tòa án nhân dân huyện Gò Quao để xét xử với tội danh : “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại phiên tòa phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Danh H và đề nghị Hội đồng xét xử :

*** Về trách nhiệm hình sự:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

- Xử phạt bị cáo Danh H 04 (bốn) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời hạn tạm giam;

Về vật chứng: xe mô tô biển kiểm soát 68S2-8077 cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Danh Tr đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại xong cho bị hại nên không ai có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, Trợ giúp viên ông Trần Tuấn Anh bào chữa cho bị cáo Danh H thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, qua thẩm vấn cho thấy bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội tỏ thái độ thành khẩn, thật thà khai báo, ăn năn, hối cải. Bản thân bị cáo lại là người dân tộc Khmer, trình độ văn hoá thấp, lúc phạm tội tuổi đời còn nhỏ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Danh H mức án theo mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Bị cáo Danh H thực hiện hành vi trộm cắp tại ấp X, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với Bị hại Trương Văn V vắng mặt và người làm chứng Danh Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Quao, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, Trợ giúp viên, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Danh H khai nhận vào lúc khoảng 22 giờ ngày 26/4/2016, bị cáo cùng Danh Tr đi nhậu về ngang qua kênh sáng thuộc ấp X, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang thì thấy chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 68S2-0877 của anh Trương Văn V đậu cặp mé kênh sáng nên cả hai đã lấy trộm chiếc xe với giá trị còn lại theo kết luận định giá số 26/2016/KL-HĐĐG ngày 16/6/2016 của hội đồng định giá tài sản huyện Gò Quao là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận rằng hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “ Trộm cắp tài sản ” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Lỗi buộc tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao là có căn cứ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

[4] Xét lời khai nhận của bị cáo Danh H phù hợp với nội dung bản cáo trạng số: 24/CT-VKSGQ-TA , ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được trong quá trình điều tra. Từ đó cho thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Trong vụ án này, qua thẩm tra cho thấy bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức và biết rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ. Thế nhưng, chỉ vì nhất thời hám lợi, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của anh Vĩ với mục đích chi xài cá nhân. Từ hành vi đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác;

[5] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, xét bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn, thật thà khai báo, ăn năn, hối cải. Bị cáo là người dân tộc Khmer, tại thời điểm phạm tội chỉ mới 16 tuổi nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Từ các tình tiết đó cho thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên, lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý là có căn cứ; Bị cáo cũng đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị được hưởng mức án nhẹ để sớm trở về gia đình làm ăn lương thiện. Do vậy, sau khi nghị án Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 38, điểm h,i,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự để xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi các bị cáo đã gây ra và phù hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Danh Tr đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[7] Về biện pháp tư pháp: Xe mô tô biển kiểm soát 68S2-8077 cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo Danh H phạm tội: “ *Trộm cắp tài sản* ”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

- **Xử phạt:** Bị cáo Danh H: 04 (bốn) tháng 01 (một) ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời hạn tạm giam;

- Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Danh H tại phiên tòa;

- Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét

- Về biện pháp tư pháp: Miễn xét

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Xử buộc: bị cáo Danh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ;

- Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/10/2018). Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

Phạm Sanh Hiền